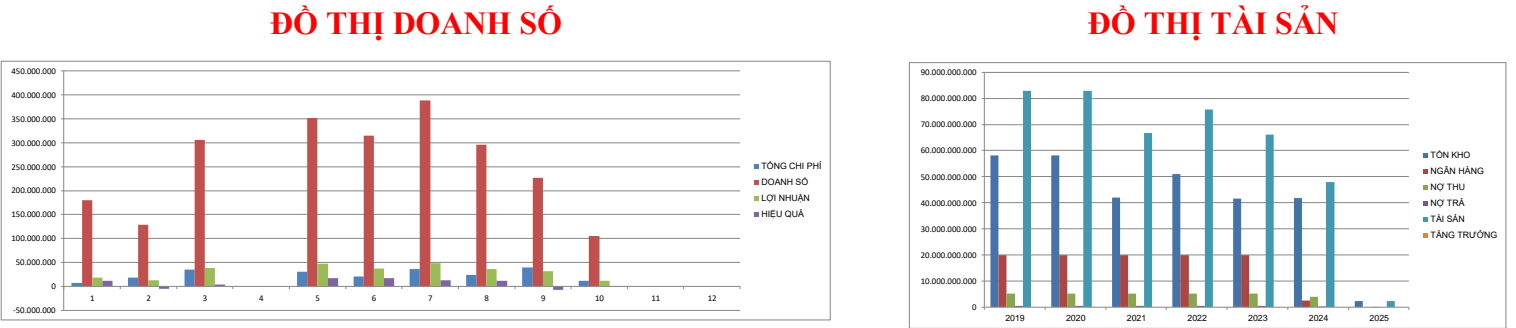


BÁO CÁO NHÓM TỒN KHO

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SÁU BÌNH MINH

STT	NHÓM KHO	TÀI KHO	GIÁ TRỊ THỰC	GIÁ TRỊ KẾ TOÁN
			2.384.358.162	0
1	ZACS MAU INOK	2.604	109.034.727	
2	ZACS MAU BEN	15.446	532.264.138	
3	LANH MAU	8.544	179.958.130	
4	ZACS LANH BEN	4.053	131.754.433	
5	ZACS LANH INOK	9.515	333.027.646	
6	LANH TRANG	21.250	449.820.410	
7	KEM CUON	0	0	
8	INOX CUON	4	293.334	
9	NHUA LAY SANG	36	2.454.545	
10	NHUA CACH NHiet	101	9.101.168	
11	VIT XI	116	5.048.627	
12	VIT KEM	79	7.361.968	
13	KEM BANG XG	148	2.533.218	
14	SATRUSS TRANG	0	0	
15	SATRUSS NAU	0	0	
16	SATRUSS XANH	0	0	
17	THANH KEO LAM	0	0	
18	THANH KEO HONG	0	0	
19	SMARTRUSS	0	0	
20	INOX TRUSS	0	0	
21	KEM BANG	641	12.794.618	
22	DAN NOC TRUSS	0	0	
23	KEM ONG STK	427	10.629.274	
24	KEM ONG	14.031	244.089.112	
25	THEP DUC	1.676	26.386.308	
26	THEP TAM	0	0	
27	NHOM PHU KIEN	0	0	
28	INOX TRUSS	0	0	
29	SBM ZACS TRUSS	0	0	
30	SBM DA TRUSS	0	0	
31	KEM BANG	643	14.110.226	
32	DAN NOC TRUSS	0	0	
33	KEM ONG STK	477	13.005.853	
34	KEM ONG	14.170	271.307.401	
35	THEP DUC	1.699	29.383.028	
36	THEP TAM	0	0	
37	SBM KHUYEN MAI	0	0	
38	SBM NGOI HERA	0	0	
39	SBM HET KHO	0	0	
40	NHOM PHU KIEN	0	0	

CHỈ SỐ	CHI LƯƠNG	CHI VẬN CHUYỂN	CHI XANG ĐẠC	CHI ĐIỆN	CHI NƯỚC	CHI ĐIỆN THOẠI	CHI INTERNET	CHI THUẾ	CHI BẢO HIỂM	CHI KIM DINH	CHI BẢO TRÌ	CHI THAU	CHI SINH HOẠT	CHI PHÍ KHÁC	TỔNG CHI PHÍ	DOANH SỐ	LỢI NHUẬN	HIỆU QUẢ
1	4.196.043	920.000	400.000	430.426	72.000	75.661	0	0	0	0	0	0	1.317.000	0	7.411.130	180.185.828	18.526.479	11.115.349
2	16.355.248	320.000	300.000	408.487	56.000	53.486	0	0	0	0	0	697.000	167.000	0	18.357.221	128.195.082	12.696.942	-5.660.279
3	25.293.147	2.340.000	700.000	339.380	80.000	41.998	0	1.902.805	0	0	0	3.585.000	171.000	0	34.453.330	305.744.622	38.121.258	3.667.928
4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	23.575.248	1.830.000	700.000	460.666	64.000	67.277	0	0	0	0	0	3.042.000	186.000	0	29.925.191	352.157.869	46.977.855	17.052.664
6	12.833.045	820.000	800.000	526.144	72.000	62.612	0	0	0	0	0	4.594.000	141.000	0	19.848.801	314.938.180	37.129.053	17.280.252
7	29.661.358	2.620.000	700.000	500.971	72.000	61.239	0	0	0	0	0	2.342.000	126.000	0	36.083.568	388.326.917	48.120.473	12.036.905
8	19.593.213	1.320.000	600.000	505.463	72.000	63.605	0	0	0	0	0	1.883.000	173.000	0	24.210.281	295.811.850	35.929.486	11.719.205
9	35.520.872	870.000	400.000	488.070	64.000	51.724	0	0	0	0	0	1.722.000	118.000	0	39.234.666	227.072.336	31.849.253	-7.385.413
10	2.990.000	550.000	400.000	465.153	64.000	48.968	0	0	0	0	0	6.863.000	167.000	0	11.548.121	105.739.187	11.597.759	49.638
11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	170.018.174	11.590.000	5.000.000	4.124.760	616.000	526.570	0	1.902.805	0	0	0	24.728.000	2.566.000	0	221.072.309	2.298.171.871	280.948.559	59.876.250



BÁO CÁO TÀI SẢN VỐN SÁU BÌNH MINH 22/10/2025

DANH MỤC	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIỀN
NGÂN HÀNG		
NỢ THU	TỔNG NỢ THƯỜNG (TỐT) : =0 TỔNG NỢ QUÁ HẠN (THƯỜNG) : =0 TỔNG NỢ KHÓ ĐÒI (SỐ NỢ PS) : =10.843.053 TỔNG NỢ KHÓ ĐÒI (ĐÃ TÁCH SỐ) : =0 0=TỔNG NỢ ĐÃ HỦY BỎ :	10.843.053
NỢ TRẢ		
TỒN KHO		2.262.220.290
TÀI SẢN	TỒN KHO + NGÂN HÀNG + NỢ THU - NỢ TRẢ	2.251.377.237

TÀI SẢN THEO NĂM

NĂM	TỒN KHO	NGÂN HÀNG	NỢ THU	NỢ TRẢ	TÀI SẢN	TĂNG TRƯỞNG
2019	58.184.032.422	20.000.539.687	5.214.806.783	548.584.056	82.850.794.836	0
2020	58.184.032.422	20.000.539.687	5.214.806.783	548.584.056	82.850.794.836	, %
2021	42.030.937.311	20.000.539.687	5.214.806.783	548.584.056	66.697.699.725	-19,5 %
2022	51.070.927.567	20.000.539.687	5.214.806.783	548.584.056	75.737.689.981	13,55 %
2023	41.547.617.290	20.000.539.687	5.214.806.783	548.584.056	66.214.379.704	-12,57 %
2024	41.695.538.757	2.574.389.587	3.964.655.352	214.448.166	48.020.135.530	-27,48 %
2025	2.262.220.290	0	10.843.053	0	2.273.063.343	-95,27 %